

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 15 - VINACONEX 15
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 21

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 15 - VINACONEX 15

53 Ngô Quyền, quận Ngô Quyền,
Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 - VINACONEX 15 (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trương Hải Triều	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đình Thiết	Ủy viên
Ông Nguyễn Xuân Thao	Ủy viên
Ông Huỳnh Sơn Cường	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 12/4/2010)
Ông Lại Văn Bích	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 12/4/2010)
Ông Huỳnh Ngọc Sơn	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Trương Hải Triều	Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Thao	Phó Giám đốc
Ông Đoàn Thanh Bình	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Trương Hải Triều
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 06 tháng 8 năm 2010

Số: /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 - VINACONEX 15**

Chúng tôi đã tiến hành soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 - VINACONEX 15 (gọi tắt là “Công ty”) cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 về công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010 phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Đây là năm đầu tiên báo cáo tài chính bán niên của Công ty được soát xét. Do đó, số liệu so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 30 tháng 6 năm 2009 là số liệu chưa được soát xét.

Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0030/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 06 tháng 8 năm 2010
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Ngô Trung Dũng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0784/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2010	31/12/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		252.337.177.299	267.953.469.294
I. Tiền	110	4	6.916.003.347	15.427.828.953
1. Tiền	111		6.916.003.347	15.427.828.953
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		121.600.146.484	138.573.758.650
1. Phải thu khách hàng	131		112.924.101.262	131.439.649.450
2. Trả trước cho người bán	132		7.101.881.442	5.472.456.582
3. Các khoản phải thu khác	135		1.797.359.551	1.884.848.389
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(223.195.771)	(223.195.771)
III. Hàng tồn kho	140		64.534.772.914	65.798.383.847
1. Hàng tồn kho	141		64.534.772.914	65.798.383.847
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		59.286.254.554	48.153.497.844
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	2.483.706.842
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		59.286.254.554	45.669.791.002
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		26.472.749.866	33.959.454.649
I. Tài sản cố định	220		19.378.055.939	29.799.680.769
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5	19.378.055.939	22.300.044.804
- Nguyên giá	222		45.605.760.527	45.490.636.435
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26.227.704.588)	(23.190.591.631)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	7.499.635.965
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		4.400.000.000	3.500.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	6	3.400.000.000	2.500.000.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258	7	1.000.000.000	1.000.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		2.694.693.927	659.773.880
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	2.694.693.927	659.773.880
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		278.809.927.165	301.912.923.943

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2010	31/12/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		194.850.973.027	221.998.202.360
I. Nợ ngắn hạn	310		184.536.223.445	204.145.795.778
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	9	59.369.071.925	52.478.112.284
2. Phải trả người bán	312		26.297.391.308	41.392.739.801
3. Người mua trả tiền trước	313		436.740.997	791.666.312
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	10	25.589.305.936	23.245.351.847
5. Chi phí phải trả	316		56.418.769.005	82.393.106.983
6. Phải trả nội bộ	317		10.573.839.772	2.425.871.027
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		5.357.443.302	869.818.481
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		493.661.200	549.129.043
II. Nợ dài hạn	330		10.314.749.582	17.852.406.582
1. Vay và nợ dài hạn	334	11	10.284.999.958	17.818.999.958
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		29.749.624	33.406.624
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		83.958.954.138	79.914.721.583
I. Vốn chủ sở hữu	410	12	83.958.954.138	79.914.721.583
1. Vốn điều lệ	411		60.000.000.000	60.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.425.000.000	1.425.000.000
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	114.141
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		8.006.518.813	6.813.031.696
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		770.656.472	433.360.000
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		13.756.778.853	11.243.215.746
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		278.809.927.165	301.912.923.943
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			30/6/2010	31/12/2009
1. Ngoại tệ các loại (USD)			109	114

Trương Hải Triều
 Giám đốc

Hải Phòng, ngày 06 tháng 8 năm 2010

Nguyễn Hữu Dũng
 Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	13	86.819.133.734	82.903.022.396
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		86.819.133.734	82.903.022.396
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	14	61.828.042.500	79.885.306.189
5. Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		24.991.091.234	3.017.716.207
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	15	6.756.914.379	3.380.294.624
7. Chi phí tài chính	22		4.265.579.675	2.959.813.271
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		4.265.579.675	2.959.813.271
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		11.583.373.347	980.130.140
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(24+25))	30		15.899.052.591	2.458.067.420
11. Thu nhập khác	31		2.343.319.213	-
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận từ hoạt động khác (40=31-32)	40		2.343.319.213	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		18.242.371.804	2.458.067.420
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	16	4.485.592.951	614.516.855
16. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51)	60		13.756.778.853	1.843.550.565
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	17	2.293	509

Trương Hải Triều
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 06 tháng 8 năm 2010

Nguyễn Hữu Dũng
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2010	Từ ngày 01/01/2009
		đến ngày 30/6/2010	đến ngày 30/6/2009
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	18.242.371.804	2.458.067.420
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	3.037.112.957	2.523.342.910
Các khoản dự phòng	03	-	223.195.771
Chi phí lãi vay	06	4.265.579.675	2.959.813.271
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	25.545.064.436	8.164.419.372
Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	09	14.977.422.707	(68.368.089.831)
Giảm/(Tăng) hàng tồn kho	10	8.763.246.898	(17.961.663.941)
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(39.798.217.139)	65.840.423.739
(Tăng) tài sản ngắn hạn khác	12	(13.167.676.757)	(2.794.739.126)
Lãi vay đã trả	13	(4.535.299.618)	(4.418.710.843)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(171.671.141)	(88.700.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(8.387.130.614)	(19.627.060.630)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(577.844.092)	-
2. Tiền chi đầu tư vốn góp vào các đơn vị khác	25	(900.000.000)	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.996.189.459	28.325.024
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	518.345.367	28.325.024
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của cổ đông	31	-	12.774.971.939
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	27.328.770.760	52.324.883.716
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(27.971.811.119)	(44.976.093.459)
4. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	-	(1.568.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(643.040.359)	18.555.762.196
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(8.511.825.606)	(1.042.973.410)
Tiền tồn đầu kỳ	60	15.427.828.953	4.184.525.696
Tiền tồn cuối kỳ	70	6.916.003.347	3.141.552.286

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:

Tiền dùng để mua tài sản cố định trong kỳ không bao gồm số tiền 354.080.000 VND, là số tiền dùng để mua thêm tài sản cố định phát sinh trong kỳ mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Trương Hải Triều
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 06 tháng 8 năm 2010

Nguyễn Hữu Dũng
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 - VINACONEX 15 là Công ty Cổ phần được thành lập theo Quyết định số 1554/QĐ-BXD ngày 04 tháng 10 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển Công ty Xây dựng số 15 - Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (nay là Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam) thành Công ty Cổ phần Xây dựng số 15. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0202001081 đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 10 năm 2004, thay đổi lần thứ 3 ngày 29 tháng 09 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Vốn điều lệ trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 3 là 60.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 53, đường Ngô Quyền, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 là 545 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009: 514 người).

Hoạt động chính của Công ty là:

- Nhận thầu xây lắp các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu điện, nền móng và các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp các công trình đường dây, trạm biến thế điện. Lắp đặt điện nước và trang trí nội thất;
- Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng: bê tông thương phẩm, cấu kiện bê tông đúc sẵn và các loại vật liệu xây dựng khác;
- Sản xuất, kinh doanh máy móc thiết bị, dụng cụ xây dựng: cốp pha, giàn giáo;
- Xuất nhập khẩu vật tư, máy móc thiết bị, dịch vụ giao nhận và vận chuyển hàng hóa;
- Xuất nhập khẩu công nghệ xây dựng: thiết bị tự động hóa, dây chuyền sản xuất đồng bộ hoặc từng phần;
- Đầu tư kinh doanh bất động sản, kinh doanh phát triển nhà và các tổ hợp nhà cao tầng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Tài sản cố định	2010
	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	12 - 15
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	5 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Tài sản cố định khác	3 - 8

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư này.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh giá trị công cụ, dụng cụ, vật tư, thiết bị phục vụ thi công các công trình, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 2 năm.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoài trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Vốn điều lệ, lợi nhuận sau thuế và chia cổ tức

Vốn điều lệ được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động khác của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp:

Trường hợp 1: Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

Trường hợp 2: Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập căn cứ trên phần việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng theo phương pháp tỷ lệ phần trăm.

Doanh thu hợp đồng xây dựng khác được ghi nhận căn cứ theo khối lượng công việc đã hoàn thành và được khách hàng chấp nhận nghiệm thu, thanh toán.

Đối với bất động sản mà công ty bán sau khi đã xây dựng hoàn tất, doanh thu và giá vốn được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến bất động sản đã được chuyển giao sang người mua. Đối với bất động sản được bán trước khi xây dựng hoàn tất mà theo đó Công ty có nghĩa vụ xây dựng và hoàn tất dự án bất động sản và người mua thanh toán tiền theo tiến độ xây dựng và chấp nhận các lợi ích và rủi ro từ những biến động trên thị trường, doanh thu và giá vốn được ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành của công việc xây dựng vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá vốn của bất động sản bán trước khi xây dựng hoàn tất được xác định dựa trên chi phí thực tế phát sinh cho đất đai và chi phí xây dựng ước tính để hoàn tất dự án bất động sản. Chi phí ước tính để xây dựng bất động sản được trích trước và các khoản chi thực tế sẽ được ghi giảm vào tài khoản chi phí phải trả này.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ (hoặc được ghi nhận một phần vào kết quả trong kỳ). Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại chưa ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh được phân bổ vào chi phí trong vòng 5 năm tiếp theo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích lập và hạch toán theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/8/2003 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn trích lập, quản lý, sử dụng và hạch toán Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm tại doanh nghiệp”.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN

	30/6/2010	31/12/2009
	VND	VND
Tiền mặt	3.898.739.751	6.007.948.493
Tiền gửi ngân hàng	3.017.263.596	9.419.880.460
	6.916.003.347	15.427.828.953

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

5. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 1/1/2010	1.542.939.458	16.657.715.813	6.742.132.846	410.148.692	20.137.699.626	45.490.636.435
Tăng trong kỳ	-	40.609.091	-	74.515.001	-	115.124.092
Mua trong kỳ	-	40.609.091	-	74.515.001	-	115.124.092
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/6/2010	1.542.939.458	16.698.324.904	6.742.132.846	484.663.693	20.137.699.626	45.605.760.527
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ						
Tại ngày 1/1/2010	828.277.849	9.191.083.442	2.966.862.144	322.621.257	9.881.746.939	23.190.591.631
Tăng trong kỳ	54.462.918	927.850.308	625.753.726	19.898.722	1.409.147.283	3.037.112.957
Trích khấu hao	54.462.918	927.850.308	625.753.726	19.898.722	1.409.147.283	3.037.112.957
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/6/2010	882.740.767	10.118.933.750	3.592.615.870	342.519.979	11.290.894.222	26.227.704.588
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2009	714.661.609	7.466.632.371	3.775.270.702	87.527.435	10.255.952.687	22.300.044.804
Tại ngày 30/6/2010	660.198.691	6.579.391.154	3.149.516.976	142.143.714	8.846.805.404	19.378.055.939

Nguyên giá của tài sản bao gồm các thiết bị đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2010 với giá trị là: 5.610.130.731 đồng.

Giá trị còn lại của các TSCĐ hữu hình dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay tại ngày 30/6/2010 là: 16.932.424.394 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 15 - VINACONEX 1553 Ngô Quyền, quận Ngô Quyền,
Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010
đến ngày 30 tháng 6 năm 2010**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***6. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

	<u>30/6/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần VIPACO	3.400.000.000	2.500.000.000
	<u>3.400.000.000</u>	<u>2.500.000.000</u>

Đây là các khoản đầu tư để nhận cổ tức, không nhằm mục đích mua bán lại. Ban Giám đốc tin tưởng rằng các khoản đầu tư này không bị suy giảm giá trị và không phải lập dự phòng giảm giá đầu tư.

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, như sau:

<u>Tên Công ty</u>	<u>Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu %</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty Cổ phần VIPACO	Số 34, phố Láng Hạ, phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội	17.00	17.00	Sản xuất và kinh doanh các loại bao bì

Mặc dù, Công ty nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết nhưng Công ty có ảnh hưởng quan trọng trong việc bổ nhiệm Ban Giám đốc của công ty này.

7. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	<u>30/6/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần ống sợi thủy tinh Vinaconex	1.000.000.000	1.000.000.000
	<u>1.000.000.000</u>	<u>1.000.000.000</u>

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010</u>	<u>Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009</u>
	VND	VND
Số đầu kỳ	659.773.880	366.243.155
Tăng trong kỳ	2.590.135.454	35.716.363
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	555.215.407	167.472.527
Số cuối kỳ	<u>2.694.693.927</u>	<u>234.486.991</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***9. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	30/6/2010	31/12/2009
	VND	VND
Vay ngắn hạn ngân hàng (i)	44.237.071.925	41.718.112.284
Vay Tổng Công ty (ii)	8.000.000.000	8.000.000.000
Vay cá nhân (iii)	750.000.000	2.760.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	6.382.000.000	-
	59.369.071.925	52.478.112.284

Vay và nợ ngắn hạn tại thời điểm 30/6/2010 bao gồm những khoản vay sau:

- (i) Đây là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 120/2008/HĐ ngày 08 tháng 4 năm 2009 giữa Công ty với Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hải Phòng với mức dư nợ tối đa là: 45.000.000.000 đồng. Khoản vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay theo từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể. Hạn mức tín dụng được cấp trong thời gian từ ngày 01/4/2008 đến ngày 30/04/2009. Lãi suất vay xác định trong từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng theo từng thời kỳ. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn theo từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể. Lãi vay được trả tối đa 3 tháng/lần kể từ ngày Công ty nhận món vay đầu tiên theo từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể. Tài sản bảo đảm nợ vay là tài sản thế chấp của Công ty và tài sản thế chấp của bên thứ ba với giá trị là: 4.116 triệu đồng và hợp đồng bảo lãnh của Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam.
- (ii) Đây là số tiền vay từ Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam theo kế ước vay vốn ngày 02 tháng 4 năm 2009. Thời hạn vay là 2 tháng với lãi suất 10,5%/năm. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay. Khoản vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động.
- (iii) Đây là các khoản vay cá nhân với lãi suất từ 1% - 2%/tháng trong thời hạn 6 tháng hoặc 12 tháng tùy theo từng kế ước vay vốn nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động. Lãi suất nợ quá hạn bằng 110% lãi suất trong hạn. Tài sản bảo đảm tiền vay là các khoản thu của Công ty với khách hàng mà Công ty là bên thụ hưởng và các nguồn thu hợp pháp khác của Công ty.

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	30/6/2010	31/12/2009
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	15.976.997.155	18.097.616.867
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.577.617.268	5.092.024.317
Thuế thu nhập cá nhân	5.975.993	7.410.663
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	28.715.520	48.300.000
	25.589.305.936	23.245.351.847

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/6/2010	31/12/2009
	VND	VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (i)	10.284.999.958	17.818.999.958
	10.284.999.958	17.818.999.958

(i) Các khoản vay từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng bao gồm:

- Khoản vay theo hợp đồng số 36/2006/HĐ, với hạn mức là 2.177.000.000 đồng, lãi suất 10,5%, đáo hạn vào ngày 7/10/2010. Khoản vay được sử dụng để đầu tư xây dựng trạm trộn bê tông và được đảm bảo bằng chính tài sản hình thành từ vốn vay.
- Khoản vay theo hợp đồng số 101/2006/HĐ với hạn mức là 3.497.891.190 đồng, lãi suất 10,5% đáo hạn vào ngày 9/9/2010. Khoản vay được sử dụng để đầu tư máy móc thiết bị và được đảm bảo bằng chính tài sản hình thành từ vốn vay.
- Khoản vay theo hợp đồng số 278/2007/HĐ với hạn mức là 810.000.000 đồng, lãi suất 10,5%, đáo hạn vào ngày 26/9/2011. Khoản vay được sử dụng để đầu tư máy móc, thiết bị và được đảm bảo bằng chính tài sản hình thành từ vốn vay.
- Khoản vay theo hợp đồng số 62/2008/HĐ với hạn mức là 2.890.000.000 đồng, lãi suất 10,5%, đáo hạn vào ngày 01/04/2013. Khoản vay được sử dụng để đầu tư máy móc, thiết bị và được đảm bảo bằng chính tài sản hình thành từ vốn vay và giá trị quyền sử dụng đất của bên thứ 3.
- Khoản vay theo hợp đồng số 1308/2009/HĐ với hạn mức là 3.206.000.000 đồng, lãi suất 10,5%, đáo hạn vào ngày 14/05/2013. Khoản vay được sử dụng để đầu tư máy móc thiết bị và được đảm bảo bằng chính tài sản hình thành từ vốn vay.
- Khoản vay theo hợp đồng số 0289/2009/HĐ với hạn mức là 4.899.999.958 đồng, lãi suất 10,5% đáo hạn vào ngày 28/06/2013. Khoản vay được sử dụng để đầu tư máy móc thiết bị và được đảm bảo bằng chính tài sản hình thành từ vốn vay.
- Khoản vay theo hợp đồng số 2611/2009/HĐ với hạn mức là 6.000.000.000 đồng, lãi suất 12%, đáo hạn vào ngày 26/11/2013. Khoản vay được sử dụng để đầu tư cho dự án bất động sản Vụng Hương.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/6/2010	31/12/2009
	VND	VND
Trong vòng một năm	6.382.000.000	3.151.000.000
Trong năm thứ hai	6.021.000.000	8.901.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	4.263.999.958	5.766.999.958
Sau năm năm	16.666.999.958	17.818.999.958
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	6.382.000.000	-
Số phải trả sau 12 tháng	10.284.999.958	17.818.999.958

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2009	30.000.000.000	1.425.000.000	-	6.213.605.528	-	4.333.598.713	41.972.204.241
Góp vốn	30.000.000.000	-	-	-	-	-	30.000.000.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	11.243.215.746	11.243.215.746
Trích các quỹ	-	-	-	599.426.168	433.360.000	(1.133.598.713)	(100.812.545)
Chia cổ tức 2008	-	-	-	-	-	(3.200.000.000)	(3.200.000.000)
Đánh giá lại chênh lệch tỷ giá	-	-	114.141	-	-	-	114.141
Tại ngày 01/01/2010	60.000.000.000	1.425.000.000	114.141	6.813.031.696	433.360.000	11.243.215.746	79.914.721.583
Tăng trong kỳ	-	-	-	1.193.487.117	337.296.472	13.756.778.853	15.287.562.442
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	13.756.778.853	13.756.778.853
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-
Trích từ lợi nhuận	-	-	-	1.193.487.117	337.296.472	-	1.530.783.589
Giảm trong kỳ	-	-	114.141	-	-	11.243.215.746	11.243.329.887
Trích các quỹ	-	-	-	-	-	1.643.215.746	1.643.215.746
Chia cổ tức 2009	-	-	-	-	-	9.600.000.000	9.600.000.000
Kết chuyển vào thu nhập trong kỳ	-	-	114.141	-	-	-	114.141
Tại ngày 30/06/2010	60.000.000.000	1.425.000.000	-	8.006.518.813	770.656.472	13.756.778.853	83.958.954.138

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Tình hình góp vốn điều lệ của các cổ đông

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi số 0202001081 ngày 29/9/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, vốn điều lệ của Công ty là 60.000.000.000 đồng. Tại ngày 30/6/2010, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn điều lệ			Vốn thực góp đến ngày 30/6/2010		
	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Thành tiền VND	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Thành tiền VND
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (VINACONEX)	3.060.000	51	30.600.000.000	3.060.000	51	30.600.000.000
Các cổ đông khác	2.940.000	49	29.400.000.000	2.940.000	49	29.400.000.000
Cộng	6.000.000	100	60.000.000.000	6.000.000	100	60.000.000.000

Cổ tức

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 ngày 12/4/2010, các cổ đông của Công ty đã phê duyệt phương án chi trả cổ tức năm 2009 cho các cổ đông thiểu số và Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam với số tiền 9.600.000.000 đồng và Công ty đã hạch toán khoản cổ tức được chia này vào báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010.

Cổ phiếu

	30/6/2010	31/12/2009
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	6.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành ra công chúng	6.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông hiện đang lưu hành	6.000.000	6.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Các Quỹ

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 ngày 12/4/2010, Công ty đã trích lập các Quỹ Đầu tư phát triển, Quỹ Dự phòng tài chính, và Quỹ Khen thưởng, phúc lợi với số tiền tương ứng là 1.193.487.117 đồng, 337.296.472 đồng và 112.432.157 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 15 - VINACONEX 1553 Ngô Quyền, quận Ngô Quyền,
Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010
đến ngày 30 tháng 6 năm 2010**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***13. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010</u>	<u>Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009</u>
	VND	VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	56.694.690.201	81.468.687.782
Doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản	24.166.886.710	-
Doanh thu cho thuê máy móc thiết bị	5.957.556.823	1.434.334.614
	<u>86.819.133.734</u>	<u>82.903.022.396</u>

14. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010</u>	<u>Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009</u>
	VND	VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	46.771.836.866	78.445.319.325
Giá vốn hoạt động kinh doanh bất động sản	12.242.347.806	-
Giá vốn hoạt động cho thuê máy móc thiết bị	2.813.857.828	1.439.986.864
	<u>61.828.042.500</u>	<u>79.885.306.189</u>

15. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010</u>	<u>Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	69.181.428	28.325.024
Cổ tức, lợi nhuận được chia	300.000.000	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	6.387.732.951	3.351.969.600
	<u>6.756.914.379</u>	<u>3.380.294.624</u>

16. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	<u>Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010</u>	<u>Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009</u>
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho kỳ hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	18.242.371.804	2.458.067.420
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(300.000.000)	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
Thu nhập chịu thuế	17.942.371.804	2.458.067.420
Thuế suất hiện hành	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp	4.485.592.951	614.516.855
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.485.592.951	614.516.855

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.756.778.853	1.843.550.565
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	6.000.000	3.623.514
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.293	509

18. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009
	VND	VND
Góp vốn		
Công ty Cổ phần VIPACO	900.000.000	-
Bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Tổng Công ty Cổ phần XNK và Xây dựng Việt Nam	24.510.374.545	-
Công ty CP đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex	6.061.623.480	-
Mua hàng hóa, dịch vụ		
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	1.607.344.493	22.127.320
Công ty Cổ phần Vimeco	6.793.350.377	3.956.081.709
Công ty Cổ phần Vimeco Cơ khí và Thương mại	74.072.727	-
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển nhà và đô thị	7.253.730.484	242.821.574
Công ty Cổ phần Kinh doanh Vinaconex	279.220.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	-	82.581.818
Nhận cổ tức		
Công ty Cổ phần VIPACO	300.000.000	-
Chia cổ tức		
Tổng Công ty Cổ phần XNK và Xây dựng Việt Nam	4.896.000.000	1.632.000.000
Thu nhập Ban Giám đốc	251.027.000	247.790.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày 30/6/2010 như sau:

	<u>30/6/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Phải thu		
Tổng Công ty Cổ phần XNK và Xây dựng Việt Nam	13.561.185.486	23.661.429.760
Công ty CP đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex	14.184.405.320	11.063.543.812
Người mua trả tiền trước		
Ban Quản lý dự án Láng - Hòa Lạc	64.833.312	64.833.312
Phải trả		
Tổng Công ty Cổ phần XNK và Xây dựng Việt Nam	6.953.581.329	1.639.500.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	2.282.418.994	514.340.052
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	131.680.000	181.680.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	-	194.480.000
Công ty Cổ phần Vimeco	6.331.844.233	9.145.730.583
Công ty Cổ phần Vimeco Cơ khí và Thương mại	497.030.396	993.490.396
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển nhà và đô thị	-	6.622.134.741
Công ty Cổ phần Kinh doanh Vinaconex	307.142.000	-

19. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo Nghị quyết số 51/2010/NQ-HĐQT/V15 ngày 6 tháng 7 năm 2010, Hội đồng Quản trị đã thông qua Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn Điều lệ từ 60 tỷ đồng lên 100 tỷ đồng. Theo đó, Hội đồng Quản trị cũng thông qua việc niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

20. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2009 được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Một số số liệu trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2009 được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh số liệu của kỳ này như sau:

	<u>31/12/2009</u>	<u>31/12/2009</u>	
	<u>Sau phân loại lại</u>	<u>Trước phân loại lại</u>	<u>Chênh lệch</u>
	VND	VND	VND
Phải thu nội bộ	-	86.823.982.297	(86.823.982.297)
Tài sản ngắn hạn khác	45.669.791.002	26.108.432.596	19.561.358.406
Phải trả nội bộ	2.425.871.027	56.818.618.971	(54.392.747.944)
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	869.818.481	13.739.694.428	(12.869.875.947)

Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009 là số liệu chưa được soát xét.